

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 24 tháng 3 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 35/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần M

Địa chỉ: tầng M toà nhà V, số C, phường D, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

+ Ông Bùi Công T là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty cổ phần M).

+ Ông Bùi Đức T, ông Nguyễn Đăng L và ông Đinh Ngọc T là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (chuyên viên xử lý nợ theo văn bản uỷ quyền về việc khởi kiện và tham gia tố tụng số 1671/2024/UQ-M.VPB ngày 24/9/2024).

- Bị đơn: bà Nguyễn Thị M, sinh năm: xxxx; nơi cư trú: tổ B, khu H, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm: xxxx; nơi cư trú: tổ T, khu T, phường Hồng H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn (theo hợp đồng uỷ quyền ngày 17/3/2025).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Đức H, sinh năm: xxxx và bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm: xxxx; cùng nơi cư trú: tổ T, khu T, phường Hồng H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức H: bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm: xxxx; cùng nơi cư trú: tổ T, khu T, phường Hồng H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, là người đại diện theo uỷ quyền

của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (theo hợp đồng uỷ quyền ngày 17/3/2025).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Tính đến ngày 24/3/2025 bà Nguyễn Thị M còn nợ Công ty cổ phần M tổng số tiền là: 11.922.984.028đ (mười một tỷ chín trăm hai mươi hai triệu chín trăm tám mươi tư nghìn không trăm hai mươi tám đồng) trong đó nợ gốc là: 8.185.328.108 đồng, lãi trong hạn là 312.161.743 đồng, lãi quá hạn là 3.378.691.211 đồng, lãi chậm trả là 46.802.966 đồng, theo hợp đồng cho vay số LN2205055695114 ngày 09/5/2022; LN2205045691849 ngày 09/5/2022; LN2205065706574 ngày 09/5/2022; LN2205055701278 ngày 09/5/2022; LN2201065031717 ngày 15/01/2022 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V (Ngân hàng TMCP V), chi nhánh T và bà Nguyễn Thị M; giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 06/01/2022 giữa Ngân hàng TMCP V, chi nhánh/phòng giao dịch Trung tâm thể chấp vùng 3 và bà Nguyễn Thị M và hợp đồng mua bán nợ số 01/2023/VPB-M, phụ lục 01 hợp đồng mua bán nợ số 01/2023/VPB-M, hợp đồng chuyển nhượng số 02/2023/VPB-M và phụ lục hợp đồng chuyển nhượng số 02/2023/VPB-M cùng ký ngày 29/12/2023 ký giữa Ngân hàng TMCP V và Công ty TNHH một thành viên M (nay là Công ty cổ phần M).

Công ty cổ phần M và bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Đức H – bà Nguyễn Thị Thanh H thoả thuận phương thức trả nợ cụ thể như sau: chậm nhất ngày 24/5/2025 bà Nguyễn Thị M trả toàn bộ số tiền 11.922.984.028đ (mười một tỷ chín trăm hai mươi hai triệu chín trăm tám mươi tư nghìn không trăm hai mươi tám đồng) và các khoản tiền lãi phát sinh cho Công ty cổ phần M.

2.2 Kể từ ngày tiếp theo của ngày 24/3/2025 cho đến khi tất toán xong toàn bộ khoản vay, bà Nguyễn Thị M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền pH thi hành án theo mức lãi suất quá hạn theo hợp đồng cho vay số LN2205055695114 ngày 09/5/2022; LN2205045691849 ngày 09/5/2022; LN2205065706574 ngày 09/5/2022; LN2205055701278 ngày 09/5/2022; LN2201065031717 ngày 15/01/2022 giữa Ngân hàng TMCP V, chi nhánh T và bà Nguyễn Thị M; giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 06/01/2022 giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, chi nhánh/phòng giao dịch Trung tâm thể chấp vùng 3 và bà Nguyễn Thị M nhưng pH phù hợp với quy định của pháp luật.

2.3 Trường hợp bà Nguyễn Thị M vi phạm thời hạn trả nợ như đã thoả thuận (không trả hoặc trả không đầy đủ) thì ông Nguyễn Đức H – bà Nguyễn Thị Thanh H đồng ý để Công ty cổ phần M có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là:

- Toàn bộ quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc tổ B, khu H, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BN xxxx, vào sổ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH xxxx do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày xx/x/xxx mang tên ông Nguyễn Đức H và bà Nguyễn Thị Thanh H và hiện trạng tài sản thế chấp như kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án.

- Toàn bộ quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc tổ B, khu N, phường M, thành phố C tỉnh Quảng Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y xxxxxx, vào sổ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04 QSDĐ do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Cẩm Phả cấp ngày 09/12/2003 mang tên ông Nguyễn Văn T, thừa kế quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị M ngày xx/x/xxx, bà M chuyển quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Đức H và bà Nguyễn Thị Thanh H ngày xx/x/xxx và hiện trạng tài sản thế chấp như kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án.

- Toàn bộ quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc dự án công cộng Vincom (nay là tổ B, khu D), phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP xxxx, vào sổ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH xxxx do Ủy ban nhân dân thành phố C cấp ngày 21/7/2020 mang tên ông Nguyễn Đức H và bà Nguyễn Thị Thanh H ngày xx/xx/xxxx và hiện trạng tài sản thế chấp như kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án.

Theo hợp đồng thế chấp số LN 2201065031727 và thỏa thuận ký ngày 14/01/2022 giữa Ngân hàng TMCP V, chi nhánh Quảng Ninh với ông Nguyễn Đức H - bà Nguyễn Thị Thanh H và hợp đồng thế chấp số LN 2205055695114 ký ngày 09/5/2022; Hợp đồng thế chấp số LN 2205045691849 ký ngày 09/5/2022 đều ký giữa Ngân hàng TMCP V, chi nhánh Quảng Ninh, phòng giao dịch C với Nguyễn Đức H - bà Nguyễn Thị Thanh H.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ thì bà Nguyễn Thị M còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty cổ phần M cho đến khi tất toán xong toàn bộ khoản tiền vay.

2.4 Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Công ty cổ phần M tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (đã nộp đủ).

2.5 Về án phí: bà Nguyễn Thị M là người cao tuổi và có đơn đề nghị được miễn án phí nên được miễn ứng án phí theo quy định pháp luật.

Trả lại cho Công ty cổ phần M xxxxx (năm mươi chín triệu năm trăm chín mươi bảy nghìn chín trăm ba mươi chín đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000xxxxx ngày xx/xx/xxxx tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSNDTP C;
- Các đương sự;
- Chi cục THADSTP C;
- Lưu hồ sơ, vp.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Thu Đông

